

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH

1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (gọi tắt là Nghị định 151/2017/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang (gọi tắt là Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND).

2. Căn cứ thực tiễn

Sau 03 năm triển khai, thực hiện Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND đã đạt được kết quả như sau:

- Là cơ sở pháp lý quan trọng xác định rõ phạm vi, thẩm quyền, trách nhiệm, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong quản lý, sử dụng tài sản công;

- Việc mua, thuê, cho thuê, xử lý tài sản công được đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức và theo đúng quy định của pháp luật;

- Công khai, minh bạch trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; khai thác nguồn lực từ tài sản công hợp lý, hiệu quả.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, hiện nay Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND đã bộc lộ hạn chế như:

- Việc quy định mức giá dự toán, giá trị tài sản phân cấp thẩm quyền quyết

định mua sắm, thuê, xử lý tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND còn thấp, chưa phù hợp với tình hình thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như hiện nay.

- Việc không quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản đối với: “tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp” và “tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng không xác định được đối tượng thụ hưởng trong dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương” dẫn đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị gặp khó khăn, lúng túng trong triển khai, thực hiện thời gian vừa qua.

Từ tình hình thực tế và những phân tích nêu trên, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thay thế Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND là cần thiết, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Tăng cường phân cấp thẩm quyền trong việc mua sắm, thuê, cho thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản công nhằm phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng tài sản công theo tiêu chuẩn, định mức, đảm bảo công khai, minh bạch.

2. Quan điểm

- Đảm bảo phù hợp về thẩm quyền theo khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017; theo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015;

- Kịp thời sửa đổi những quy định chưa phù hợp với tình hình thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đảm bảo việc phân cấp theo đúng thẩm quyền.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; UBND tỉnh đã lập đề nghị xây dựng Nghị quyết và được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 534/HĐND-CTHĐND ngày 30/9/2021.

Căn cứ ý kiến chấp thuận của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đã gửi các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến nhân dân.

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại báo cáo số 387/BC-STP ngày 12/10/2021; được UBND tỉnh thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 10 năm 2021; được Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thẩm tra tại báo cáo số 177/BC-HĐND ngày 30/11/2021.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Bố cục của dự thảo Nghị quyết gồm: 3 Chương, 15 Điều

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

2.1. Kế thừa các nội dung còn phù hợp tại Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND:

Về cơ bản kế thừa các nội dung còn phù hợp đã được phân cấp quy định trong Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND.

2.2. Các điểm mới (sửa đổi, bổ sung) so với Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND:

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung bất cập trong quá trình thực hiện phân cấp theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cụ thể như sau:

2.2.1. Mua sắm tài sản công:

a) Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh:

- **Bổ sung** tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp;

- Nâng mức từ 500 triệu đồng trở lên **lên mức** từ 01 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

- Nâng mức từ 01 tỷ đồng trở lên **lên mức** từ 02 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.

b) Thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh:

Nâng mức từ 20 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng **lên mức** từ 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng cho một lần mua sắm.

c) Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND huyện, thành phố:

Nâng mức từ 20 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng **lên mức** từ 100 triệu đồng đến dưới 02 tỷ đồng cho một lần mua sắm.

d) Thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã:

Nâng mức từ dưới 20 triệu đồng **lên mức** dưới 100 triệu đồng cho một lần mua sắm.

2.2.2. Thuê tài sản công:

a) Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh:

- **Bổ sung** tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp;

- Nâng mức từ 100 triệu đồng trở lên **lên mức** từ 300 triệu đồng trở lên cho một lần thuê.

b) Thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh:

- **Bổ sung** tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp;

- Nâng mức từ dưới 100 triệu đồng **lên mức** dưới 300 triệu đồng cho một lần thuê.

c) Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND huyện, thành phố:

- **Bổ sung** tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp;

- Nâng mức từ dưới 100 triệu đồng **lên mức** dưới 300 triệu đồng cho một lần thuê.

2.2.3. *Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng trong dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thuộc phạm vi quản lý của địa phương:*

Bổ sung thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng trong dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thuộc phạm vi quản lý của địa phương gồm: điều chuyển, bán, thanh lý.

2.2.4. *Thu hồi tài sản công:*

a) Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh:

- Nâng mức từ 100 triệu trở lên/01 đơn vị tài sản **lên mức** từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

- Nâng mức từ 100 triệu đồng trở lên **lên mức** từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần thu hồi.

b) Thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý được nâng mức như sau:

- Nâng mức từ dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản **lên mức** dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

- Nâng mức từ dưới 100 triệu đồng **lên mức** dưới 500 triệu đồng cho một lần thu hồi.

c) Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND huyện, thành phố:

Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã được nâng mức như sau:

- Nâng mức từ dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản **lên mức** dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

- Nâng mức từ dưới 100 triệu đồng **lên mức** dưới 500 triệu đồng cho một lần thu hồi.

2.2.5. *Điều chuyển tài sản công:*

a) Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh:

- **Bổ sung** tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp;

- Nâng mức từ 500 triệu đồng trở lên **lên mức** từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần điều chuyển.

b) Thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý được **quy định giá trị cụ thể** như sau:

- Dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;
- Dưới 500 triệu đồng cho một lần điều chuyển.

c) Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND huyện, thành phố:

Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện được **quy định giá trị cụ thể** như sau:

- Dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;
- Dưới 500 triệu đồng cho một lần điều chuyển.

d) Thẩm quyền quyết định của Giám đốc Sở Tài chính:

Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản thuộc địa phương quản lý trong các trường hợp còn lại.

2.2.6. Bán tài sản công:

a) Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh:

- **Bổ sung tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp;**
- **Nâng mức giá trị từ 500 triệu đồng trở lên lên mức từ 01 tỷ đồng trở lên cho một lần bán.**

b) Thẩm quyền quyết định của Giám đốc Sở Tài chính:

Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh được nâng mức như sau:

- **Nâng mức từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng /01 đơn vị tài sản lên mức từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;**
- **Nâng mức từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng lên mức từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần bán.**

c) Thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý được nâng mức như sau:

- **Nâng mức từ dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản lên mức từ 100 triệu đồng đến dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;**
- **Nâng mức từ dưới 100 triệu đồng lên mức từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần bán.**

d) Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND huyện, thành phố:

Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định bán tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã được nâng mức như sau:

- **Nâng mức từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng lên mức từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần bán.**

2.2.7. Thanh lý tài sản công:

a) Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh:

- **Nâng mức thanh lý tài sản cố định khác từ 500 triệu đồng trở lên lên mức từ 01 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý.**
- **Quy định cụ thể mức thanh lý đối với tài sản là nhà làm việc, công**

trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất như sau:

+ Từ 01 tỷ đồng trở lên của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

+ Từ 02 tỷ đồng trở lên của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.

b) Thẩm quyền quyết định của Giám đốc Sở Tài chính:

Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh được nâng mức và quy định cụ thể như sau:

- Nâng mức từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản **lên mức từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;**

- Nâng mức từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng **lên mức từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng** cho một lần thanh lý;

- **Quy định cụ thể mức thanh lý dưới 1 tỷ đồng đối với tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất.**

c) Thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý được nâng mức cụ thể như sau:

- Nâng mức từ dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản **lên mức từ 100 triệu đồng đến dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;**

- Nâng mức từ dưới 100 triệu đồng **lên mức từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng** cho một lần thanh lý.

d) Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND huyện, thành phố:

Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định thanh lý tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã được nâng mức và quy định cụ thể như sau:

- Nâng mức từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng **lên mức từ 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng** cho một lần thanh lý;

- **Quy định cụ thể mức thanh lý dưới 02 tỷ đồng đối với tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất.**

đ) Bổ sung tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định theo quy định của pháp luật hiện hành thì thẩm quyền quyết định thanh lý là Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản.

2.2.8. Tiêu hủy tài sản công:

a) Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh:

Nâng mức từ 500 triệu đồng trở lên **lên mức từ 01 tỷ đồng trở lên** cho một lần tiêu hủy.

b) Thẩm quyền quyết định của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý được nâng mức như sau:

Nâng mức từ dưới 500 triệu đồng **lên mức dưới 01 tỷ đồng** cho một lần tiêu hủy.

c) Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND huyện, thành phố:

Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã được nâng mức như sau:

Nâng mức từ dưới 500 triệu đồng lên mức dưới 01 tỷ đồng cho một lần tiêu hủy.

2.2.9. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Bổ sung tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định xử lý của Chủ tịch UBND tỉnh trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN: Các quy định trong dự thảo Nghị quyết đều bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với thực tiễn. Đến nay dự thảo đã được các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhất trí; một số ý kiến tham gia góp ý, cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết đã giải trình, báo cáo tổng hợp kèm theo.

Trên đây là Tờ trình Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Kèm theo Tờ trình này: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, (3) Báo cáo thẩm định của Ban KTNS-HĐND, (4) Tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, (5) Bảng so sánh).

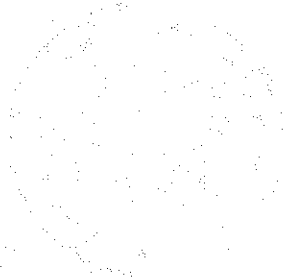
Nơi nhận:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu dự kỳ họp, HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP ĐDBQH tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TKCT, TPKTTH, TH;
- + Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thế Tuấn





**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2021/NQ-HĐND**

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHOÁ XIX - KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 30/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 15/7/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 606/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khoá XIX, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT - XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các Tổ chức chính trị xã hội - Nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Công thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng

QUY ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua, thuê, cho thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Những nội dung khác không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, văn phòng huyện ủy, thành ủy (là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện), tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là các sở, ban, tổ chức, đơn vị hoặc tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện là các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Văn phòng huyện ủy, thành ủy.

3. Tài sản công thuộc địa phương quản lý là tất cả các tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Mua sắm tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản gồm:
 - a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
 - b) Tài sản có giá dự toán mua sắm từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản;
 - c) Các tài sản có tổng giá dự toán mua sắm từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;
 - d) Các tài sản có tổng giá dự toán mua sắm từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.
2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có giá dự toán mua sắm từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có giá dự toán mua sắm từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản từ 100 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.
4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định mua sắm tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này có giá dự toán mua sắm dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản dưới 100 triệu đồng cho một lần mua sắm.
5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn kinh phí để mua sắm tài sản trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 5. Thuê tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá trị tiền thuê từ 300 triệu đồng trở lên cho một lần thuê.
2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tiền thuê dưới 300 triệu đồng cho một lần thuê.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thuê trụ sở làm

việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã có giá trị tiền thuê dưới 300 triệu đồng cho một lần thuê.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức và dự toán được giao quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 6. Cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý.

Điều 7. Phương án xử lý tài sản công phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước và tài sản công là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng không xác định đối tượng thụ hưởng trong dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án:

1. Điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại các tài sản công phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý.

2. Điều chuyển, bán, thanh lý tài sản công là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng không xác định đối tượng thụ hưởng trong dự án thuộc địa phương quản lý.

Điều 8. Thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản gồm:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần thu hồi.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần thu hồi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thu hồi tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá

theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần thu hồi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.

Điều 9. Điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản gồm:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
- c) Xe ô tô;

d) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần điều chuyển.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện.

4. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công thuộc địa phương quản lý trong các trường hợp còn lại.

Điều 10. Bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi sau khi có văn bản thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần bán.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần bán của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có nguyên giá theo

sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần bán của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần bán của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng cho một lần bán.

Điều 11. Thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

b) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã;

c) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, xe ô tô;

d) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 1 tỷ đồng cho một lần thanh lý;

b) Tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần thanh lý;

c) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất nằm trong

mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

d) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần thanh lý.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản cố định không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần thanh lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 2 tỷ đồng cho một lần thanh lý;

b) Tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần thanh lý;

c) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

d) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần thanh lý.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này gồm:

a) Tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng cho một lần thanh lý;

b) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá dưới 100 triệu đồng cho một lần thanh lý.

6. Trường hợp tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định theo quy định của pháp luật thì Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản quyết định thanh lý.

Điều 12. Tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản:

a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có tổng giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần tiêu hủy.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có tổng giá trị dưới 1 tỷ đồng cho một lần tiêu hủy.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã:

a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có tổng giá trị dưới 1 tỷ đồng cho một lần tiêu hủy.

Điều 13. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

c) Xe ô tô;

d) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng trở lên cho một lần bị mất, bị hủy hoại.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng cho một lần bị mất, bị hủy hoại.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng cho một lần bị mất, bị hủy hoại.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những tài sản công đã có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện thống nhất theo Nghị quyết này.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có nội dung chưa phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, thì Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *177* /BC-HĐND

Bắc Giang, ngày 30 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Được sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách tổ chức thẩm tra dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả như sau:

1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang được thực hiện theo quy định của Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tuy nhiên, sau 03 năm thực hiện đã bộc lộ một số hạn chế: Mức giá dự toán, giá trị tài sản để phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, xử lý tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thấp, chưa phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay; chưa quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý đối với: "tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp" và "tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng không xác định được đối tượng thụ hưởng trong dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương" dẫn đến gặp khó khăn, lúng túng trong triển khai, thực hiện.

Tại khoản 2, Điều 17, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định: "*Căn cứ quy định của Luật này, phân cấp Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương*"; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định: "*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê và xử lý tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương*".

Từ căn cứ trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là cần thiết.

1.2. Về thẩm quyền ban hành

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết này là đúng quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và sự thống nhất, phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Nghị quyết được ban hành sẽ kịp thời sửa đổi những quy định chưa phù hợp tình hình thực tế, đồng thời tăng cường phân cấp thẩm quyền trong việc mua sắm, thuê, cho thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Về trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết và ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

- Nghị quyết được xây dựng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. Dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và lấy ý kiến tham gia của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và được UBND tỉnh thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 10/2021.

- Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản đảm bảo phù hợp với Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

4. Nội dung của dự thảo Nghị quyết và những vấn đề cần xem xét, sửa đổi, bổ sung

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết. Việc ban hành Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bắc Giang (thay thế Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018) nhằm đẩy mạnh việc phân cấp cho các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố, phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc quản lý, sử

dụng tài sản công; tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng tài sản công; đồng thời sửa đổi, bổ sung một số nội dung: bổ sung thẩm quyền đối với tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng không xác định được đối tượng thụ hưởng trong dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; nâng mức giá dự toán, giá trị sản phẩm phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, xử lý tài sản công.

Tuy nhiên, đề Nghị quyết được đầy đủ và chặt chẽ hơn, đề nghị UBND tỉnh làm rõ lý do không quy định đối tượng áp dụng gồm "Ban quản lý dự án, doanh nghiệp" trong dự thảo Nghị quyết.

Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng;
- Lưu: VT, CTHĐND_{p. Yên}.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



*** Vũ Tấn Cường**



Số: 446 /BC-STC

Bắc Giang, ngày 03 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Giải trình ý kiến thẩm định của Ban Kinh tế - Ngân sách

Ngày 01/12/2021, Sở Tài chính nhận được văn bản số 177/BC-HĐND ngày 30/11/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách (Hội đồng nhân dân tỉnh) báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị làm rõ lý do không quy định đối tượng áp dụng gồm “Ban quản lý dự án, doanh nghiệp” trong dự thảo Nghị quyết, Sở Tài chính báo cáo, giải trình như sau:

1. Đối với doanh nghiệp:

Đối tượng áp dụng không bao gồm doanh nghiệp, lý do: Nghị quyết được Hội đồng nhân dân ban hành để quy định “*chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*” (khoản 1 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015), trên cơ sở rà soát Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và các văn bản pháp lý có liên quan không có nội dung quy định “*Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương*” cho đối tượng là doanh nghiệp. Việc quản lý, sử dụng tài sản công của doanh nghiệp được thực hiện theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và pháp luật có liên quan.


2. Đối với Ban quản lý dự án:

Ban quản lý dự án là đơn vị sự nghiệp công lập, do đó thuộc đối tượng áp dụng tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết.

Vậy, Sở Tài chính báo cáo đại biểu HĐND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu dự kỳ họp HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP ĐEBQH tỉnh;
- Lưu: VT, QLCS&TH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Hiếu



Số: 387 /BC-STP

Bắc Giang, ngày 12 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 3049/STC-QLCS&TH ngày 07/10/2021 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết

Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng được quy định tại Điều 1, Điều 2 dự thảo Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết đảm bảo chính xác, thống nhất với nội dung dự thảo văn bản.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

3. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

3.1. Về thẩm quyền ban hành

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết này là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1¹ Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

3.2. Về nội dung

Nội dung dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.

4. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết

¹ HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết đề "quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên"; trường hợp này là quy định chi tiết khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, theo đó "... Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương"

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với nội dung giao quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

5. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP² và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP³.

6. Về điều kiện trình UBND tỉnh

Dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo điều kiện trình UBND tỉnh; tuy nhiên, chưa đảm bảo thời gian đăng tải dự thảo văn bản để lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015⁴.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, đề nghị Sở Tài chính hoàn chỉnh, đảm bảo thống nhất, đầy đủ hồ sơ trình UBND tỉnh theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 - được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VB&QLXLVPHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trương Ngọc Bích

² ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL

³ ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 34/2016/NĐ-CP

⁴ Dự thảo được đăng tải lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh từ ngày 03/10/2021, chưa đảm bảo thời gian là 30 ngày tính đến ngày gửi Sở Tư pháp thẩm định (ngày 07/10/2021) theo quy định

SƠ SÁNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐỀ NGHỊ THAY THẾ NGHỊ QUYẾT 09/2018/NQ-HĐND

<p style="text-align: center;">NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT 09/2018/NQ-HĐND</p>	<p style="text-align: center;">DỰ THẢO NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT THAY THẾ</p>	<p style="text-align: center;">LÝ DO</p>
<p style="text-align: center;">Chương I QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công trong phạm vi mua sắm, thuê, cho thuê, xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.</p> <p>2. Những nội dung khác không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua, thuê, cho thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p> <p>2. Những nội dung khác không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, văn phòng huyện ủy, văn phòng thành ủy (là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện), Ban quản lý dự án, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.</p>	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, văn phòng huyện ủy, thành ủy (là đơn vị dự toán ngân sách nhà nước cấp huyện), tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p>	
	<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là các sở, ban, tổ chức, đơn vị hoặc tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện là các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện,</p>	<p>(1) Bao gồm tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các sở, ban, tổ chức, đơn vị... trực thuộc UBND tỉnh</p>

	<p>thành phố; Văn phòng huyện ủy, thành ủy.</p> <p>3. Tài sản công thuộc địa phương quản lý là tất cả các tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p>	(2) Bao gồm: các cơ quan phòng, ban, hội, trường, văn phòng huyện ủy, thành ủy....
<p style="text-align: center;">CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ</p> <p>Điều 3. Mua sắm tài sản công</p> <p>Căn cứ tiêu chuẩn, định mức và dự toán hàng năm của các cơ quan, đơn vị:</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc; xe ô tô sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>b) Các loại tài sản có giá mua từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) cho cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.</p> <p>c) Các loại tài sản có giá mua từ 1 tỷ đồng trở lên trên một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) cho cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thành phố.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm đối với các tài sản còn lại không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố quyết định mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị có giá mua dưới 20 triệu đồng trên một đơn vị tài sản (hoặc lô tài sản).</p> <p>4. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ</p> <p>Điều 4. Mua sắm tài sản công</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>b) Tài sản có giá dự toán mua sắm từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản;</p> <p>c) Các tài sản có tổng giá dự toán mua sắm từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;</p> <p>d) Các tài sản có tổng giá dự toán mua sắm từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có giá dự toán mua sắm từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p>	<p>- Phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của địa phương.</p> <p>- Căn cứ Khoản 4 Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017 quy định: "4. Cơ sở hoạt động sự nghiệp là đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập."</p> <p>- Tài sản lớn có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản được quy định tại Điều 2 Quyết định số 8/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh</p>

<p>nguồn kinh phí để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm do thủ trưởng đơn vị quyết định (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).</p>	<p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có giá dự toán mua sắm từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản từ 100 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.</p> <p>4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định mua sắm tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này có giá dự toán mua sắm dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản dưới 100 triệu đồng cho một lần mua sắm.</p> <p>5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn kinh phí để mua sắm tài sản trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.</p>
<p>Điều 4. Thuế tài sản công</p> <p>Căn cứ tiêu chuẩn, định mức và dự toán hàng năm của các cơ quan, đơn vị:</p> <p>1. Thẩm quyền quyết định thuế trụ sở làm việc</p> <p>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuế trụ sở làm việc đối với các cơ quan, đơn vị có giá trị tiền thuế từ 100 triệu đồng/năm trở lên theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được thuế trụ sở làm việc.</p> <p>b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuế trụ sở làm việc đối với cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, có giá trị tiền thuế dưới 100 triệu đồng/năm.</p>	<p>Điều 5. Thuế tài sản công</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuế trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá trị tiền thuế từ 300 triệu đồng trở lên cho một lần thuế.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuế trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tiền thuế dưới 300 triệu đồng cho một lần thuế.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thuế trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã có giá trị tiền thuế dưới 300 triệu đồng cho một lần thuế.</p>

<p>2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thuế tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không phải là trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị.</p> <p>3. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuế tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuế tài sản thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.</p>	<p>4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức và dự toán được giao quyết định thuế tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuế tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuế tài sản theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.</p>	
<p>Điều 5. Cho thuế tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án cho thuế quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý.</p>	<p>Điều 6. Cho thuế tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án cho thuế quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý.</p>	<p>Căn cứ NB 151/2017/NĐ-CP : - Điểm b Khoản 2 Điều 92; - Khoản 3, Điều 92; - Điểm e Khoản 1 Điều 93. Vì vậy, thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh là phù hợp.</p>
	<p>Điều 7. Phương án xử lý tài sản công phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước và tài sản công là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng không xác định rõ đối tượng thụ hưởng trong dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương</p> <p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án:</p> <p>1. Điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại các tài sản công phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý.</p> <p>2. Điều chuyển, bán, thanh lý tài sản công là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng không xác định đối tượng thụ hưởng trong dự án thuộc địa phương quản lý.</p>	<p>Căn cứ NB 151/2017/NĐ-CP : - Điểm b Khoản 2 Điều 92; - Khoản 3, Điều 92; - Điểm e Khoản 1 Điều 93. Vì vậy, thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh là phù hợp.</p>

<p>Điều 6. Xử lý tài sản công</p> <p>1. Thu hồi tài sản công</p> <p>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản là trụ sở làm việc, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p>	<p>Điều 8. Thu hồi tài sản công</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản gồm:</p> <p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p> <p>b) Xe ô tô;</p> <p>c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần thu hồi.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần thu hồi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thu hồi tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần thu hồi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.</p>	<p>Bỏ thẩm quyền thu hồi tài sản là trụ sở làm việc thuộc thẩm quyền của CT UBND tỉnh vì: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP quy định: Thẩm quyền thu hồi trụ sở làm việc, cơ sở HSDN là UBND tỉnh. - Và căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 25 Nghị định 129/2017/NĐ-CP quy định “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản thuộc phạm vi quản lý thuộc phạm vi địa phương quản lý”</p>
<p>2. Điều chuyển tài sản công</p> <p>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:</p> <p>Tài sản là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản</p>	<p>Điều 9. Điều chuyển tài sản công</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p>	

<p>lý.</p> <p>Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý.</p> <p>b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) giữa các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã, trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc đề nghị Sở Tài chính điều chuyển sang các đơn vị khác ngoài phạm vi quản lý, trừ các tài sản quy định tại điểm a và điểm b khoản này.</p> <p>d) Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thành phố theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý, trừ các tài sản quy định tại các điểm a, b và c khoản này.</p> <p>đ) Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định điều chuyển tài sản nhà nước của các đơn vị trực thuộc, trừ các tài sản quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này.</p>	<p>c) Xe ô tô;</p> <p>d) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần điều chuyển.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện.</p> <p>4. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công thuộc địa phương quản lý trong các trường hợp còn lại.</p>	
<p>3. Bản tài sản công</p> <p>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán: Tài sản là trụ sở làm việc, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất bằng văn bản với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; xe ô tô, tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho một đơn vị tài</p>	<p>Điều 10. Bản tài sản công</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi sau khi có văn bản thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;</p>	

sản (hoặc một lô tài sản) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản có nguyên giá theo số sách kê toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các đơn vị thuộc tỉnh.

c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản có nguyên giá theo số sách kê toán dưới 100 triệu đồng cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

d) Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định bán tài sản có nguyên giá theo số sách kê toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý; Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý.

đ) Thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thành phố quyết định việc bán tài sản nhà nước đối với các tài sản có nguyên giá theo số sách kê toán dưới 100 triệu đồng cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản).

e) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định, trừ tài sản quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này.

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo số kê toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo số kê toán từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần bán.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo số kê toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo số kê toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần bán của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo số kê toán từ 100 triệu đồng đến dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo số kê toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần bán của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo số kê toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo số kê toán từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần bán của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này có nguyên giá theo số kê toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo số kê toán dưới 100 triệu đồng cho một lần bán.

4. Thanh lý tài sản công

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại Điểm b, Điểm c và Điểm d Khoản 4 Điều này); Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền quản lý của các đơn vị cấp tỉnh nằm trong mặt bằng thi công các dự án đầu tư xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thanh lý: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền quản lý của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch, dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; tài sản gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc đã quá thời gian sử dụng theo quy định mà không thể tiếp tục sử dụng thuộc đơn vị cấp huyện quản lý (trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều này); Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý; Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý.

d) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND xã,

Điều 11. Thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

b) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã;

c) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, xe ô tô;

d) Tài sản có định khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/ đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 1 tỷ đồng cho một lần thanh lý;

b) Tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định

phường, thị trấn quyết định thanh lý tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá dưới 100 triệu đồng; Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý.

của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần thanh lý;

c) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

d) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần thanh lý.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản cố định không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần thanh lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 2 tỷ đồng cho một lần thanh lý;

b) Tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu

	<p>đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần thanh lý;</p> <p>c) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>d) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần thanh lý.</p> <p>5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này gồm:</p> <p>a) Tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng cho một lần thanh lý;</p> <p>b) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá dưới 100 triệu đồng cho một lần thanh lý.</p> <p>6. Trường hợp tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định theo quy định của pháp luật thì Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản quyết định thanh lý.</p>	
<p>5. Tiêu hủy tài sản công</p> <p>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng các cơ quan liên quan; Tài sản phục vụ hoạt động của dự</p>	<p>Điều 12. Tiêu hủy tài sản công</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản:</p> <p>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;</p> <p>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có</p>	

<p>án sử dụng vốn nhà nước do đơn vị thuộc tỉnh quản lý.</p> <p>b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản).</p> <p>c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản). Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý.</p>	<p>tổng giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần tiêu hủy.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:</p> <p>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;</p> <p>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có tổng giá trị dưới 1 tỷ đồng cho một lần tiêu hủy.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã:</p> <p>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;</p> <p>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có tổng giá trị dưới 1 tỷ đồng cho một lần tiêu hủy.</p>
<p>6. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại</p> <p>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, xe ô tô, tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do đơn vị thuộc tỉnh quản lý.</p> <p>b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài</p>	<p>Điều 13. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p> <p>c) Xe ô tô;</p> <p>d) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng trở lên cho một lần bị mất, bị hủy hoại.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc</p>

<p>sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản khác có nguyên giá theo số sách kế toán dưới 100 triệu đồng tính cho một đơn vị tài sản (hoặc một lô tài sản) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý.</p>	<p>phạm vi quản lý có nguyên giá theo số kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo số kế toán dưới 100 triệu đồng cho một lần bị mất, bị hủy hoại.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã có nguyên giá theo số kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo số kế toán dưới 100 triệu đồng cho một lần bị mất, bị hủy hoại.</p>	
<p style="text-align: center;">Chương III TỜ CHỨC THỰC HIỆN</p> <p style="text-align: center;">Điều 7. Điều khoản thi hành</p> <p>Trong quá trình thực hiện nếu có nội dung chưa phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, thì Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG III TỜ CHỨC THỰC HIỆN</p> <p style="text-align: center;">Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>Đối với những tài sản công đã có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện thống nhất theo Nghị quyết này.</p>	
	<p style="text-align: center;">Điều 15. Điều khoản thi hành</p> <p>Trong quá trình thực hiện nếu có nội dung chưa phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, thì Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.</p>	

Bắc Giang, ngày 14 tháng 10 năm 2021

BẢN TỔNG HỢP

Giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đối với dự thảo Nghị quyết quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Để đảm bảo lấy ý kiến rộng rãi theo quy định, Sở Tài chính đã ban hành Công văn số 2834/STC-QLCS&TH ngày 21/9/2021; 2992/STC-QLCS&TH ngày 03/10/2021 gửi các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan (gồm: các Sở, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh; các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố) đề nghị tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị quyết quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; đồng thời, đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải dự thảo lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến theo quy định.

Đối với hình thức lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh: dự thảo văn bản đã được đăng tải lấy ý kiến từ ngày 21/9/2021 (*địa chỉ đường link: <https://bacgiang.gov.vn/lay-y-kien-du-thao-van-ban>*); đến nay không có ý kiến góp ý nội dung dự thảo Nghị quyết.

Đối với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Sở Tài chính đã nhận được 33 văn bản của các sở, cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố tham gia góp ý. Trong đó, có: 22/33 ý kiến tham gia nhất trí hoàn toàn nội dung dự thảo văn bản (*có danh sách kèm theo*); có 11/32 ý kiến góp ý nội dung dự thảo văn bản.

Sở Tài chính đã nghiên cứu và tổng hợp giải trình, tiếp thu những ý kiến góp ý như sau:

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
1	Số Tư pháp (1079/STP- VB&QLXL VPHC ngày 29/9/2021)	<p>(1) Tên của Chương I là “phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng” tuy nhiên có Điều 3 quy định về giải thích từ ngữ chưa thống nhất giữa tên chương và nội hàm của Chương, đề nghị chỉnh sửa tên chương đảm bảo thống nhất.</p> <p>(2) Điều 3 Giải thích từ ngữ; tuy nhiên giả thích từ ngữ còn chung chung đơn cử như sử dụng dấu (...) tại khoản 3, khoản 5,</p> <p>(3) chưa chính xác “<i>khoản 3 quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện là tất cả các cơ quan bao gồm cả cấp xã là không phù hợp với Điều 2 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015</i>”</p> <p>(4) Chương II quy định về phân cấp: tuy nhiên nội dung tại các Điều 4,5,7,8,9,10,11,12,13 thể hiện chủ thể được phân cấp là cá nhân – không phù hợp với khoản 1 Điều 13 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Do đó, đề nghị nghiên cứu quy định các nội dung này để phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>(5) Chương III đề nghị bỏ cục Điều 15 thành một nội dung thuộc dự thảo Nghị quyết để phù hợp</p>	<p>(1) Đã tiếp thu và điều chỉnh tên chương I là quy định chung, chương II là quy định cụ thể</p> <p>(2) Đã tiếp thu và bỏ dấu (...)</p> <p>(3) Đã tiếp thu và bỏ cấp xã không thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện.</p> <p>(4) Đã tiếp thu, Tuy nhiên căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP thì:</p> <p>- Mua sắm tài sản công: tại điểm b khoản 2 Điều 3 quy định “<i>Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương</i>” và tại khoản 4 Điều 3 quy định “... <i>trong trường hợp việc mua sắm tài sản do Bộ trưởng, Thủ</i></p>	

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
		<p>với Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.</p> <p>(6) Đề nghị rà soát, trình bày viện dẫn đến văn bản QPPL có liên phù hợp với khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định 154/2020/NĐ-CP.</p>	<p>trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định”</p> <p>- Thuê tài sản công: tại khoản 3 Điều 4 quy định: “ ... trong trường hợp việc thuê tài sản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định.”</p> <p>- Điều chuyển tài sản công: Tại điểm c khoản 1 Điều 20 quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Trường hợp phân cấp thẩm quyền quyết định điều</p>	

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
			<p>chuyển tài sản công thì thực hiện theo nguyên tắc Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công giữa các sở, ngành thuộc địa phương, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã, giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”.</p> <p>- Bán tài sản công: Tại điểm d khoản 2 Điều 22 quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Trường hợp phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công là trụ sở làm việc, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân</p>	

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
			<p><i>cấp cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định”;</i></p> <p>- Thanh lý tài sản công: Tại khoản 2 Điều 29 quy định: “ ... trong trường hợp việc thanh lý tài sản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định theo thẩm quyền.”</p> <p>- Tiêu hủy tài sản công: Tại khoản 3 Điều 46 Luật quản lý, sử dụng tài sản công 2017 quy định: “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao cơ quan nhà nước có tài sản hoặc cơ quan, đơn vị khác thuộc phạm vi quản lý có chức năng tiêu hủy thực hiện việc tiêu hủy tài sản công theo hình thức quy</p>	

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
			<p>định tại khoản 2 Điều này và pháp luật có liên quan” và tại khoản 2 Điều 32 Nghị định 151/2017/NĐ-CP quy định: “Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương”.</p> <p>Từ các căn cứ pháp lý nêu trên, việc phân cấp thẩm quyền tại Điều 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 cho Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị là phù hợp và đảm bảo theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.</p> <p>(5) Đã tiếp thu chỉnh sửa.</p> <p>(6) Đã tiếp thu chỉnh sửa.</p>	

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
2	Sở nông và phát triển nông thôn (1973/SNN- KHTC ngày 11/10/2021)	<p>(1) Đề nghị giữ nguyên Điều 3 như dự thảo lần 1, vì dự thảo lần 1 quy định phân cấp rất rõ đến từng cấp. Vì vậy cần quy định phân cấp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh để phù hợp với phân cấp quy định tại khoản 4 Điều 4 của dự thảo.</p> <p>(2) Tại khoản 2, khoản 4 Điều 4, đề nghị sửa lại như sau:</p> <p>“2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này:</p> <p>a) Tài sản có giá dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.</p> <p>b) Có tổng giá dự toán các tài sản dưới 1 tỷ đồng cho một lần mua của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này:</p> <p>a) Tài sản có giá dự toán dưới 100 triệu đồng/01</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa</p>	

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
		<p>đơn vị tài sản.</p> <p>b) Có tổng giá dự toán các tài sản dưới 100 triệu đồng cho một lần mua".</p> <p>(3). Tại khoản 2, khoản 3 Điều 9, đề nghị sửa lại như sau: "2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này:</p> <p>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.</p> <p>b) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 500 triệu đồng cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý".</p> <p>"3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Điều này: a) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản. b) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 500 triệu đồng cho một lần</p>		

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
		<p>điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã".</p> <p>(4) Tại khoản 3, khoản 5 Điều 10, đề nghị sửa lại như sau:</p> <p>"3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này:</p> <p>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 100 triệu đồng đến dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.</p> <p>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 500 triệu đồng cho một lần bán của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý".</p> <p>"5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này: a) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản. b) Các tài sản có tổng nguyên giá</p>		

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
		<p>theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng cho một lần bán”.</p> <p>(5) Tại khoản 3, khoản 5 Điều 11, đề nghị sửa lại như sau:</p> <p>“3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:</p> <p>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 100 triệu đồng đến dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.</p> <p>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 500 triệu đồng cho một lần thanh lý”.</p> <p>“5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này: 3 a) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản. b) Các tài sản</p>		

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
		<p>có tổng nguyên giá theo số sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng cho một lần thanh lý".</p> <p>(6) Tại khoản 2 Điều 13, đề nghị sửa lại như sau:</p> <p>"2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:</p> <p>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.</p> <p>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng cho một lần bị mất, bị hủy hoại"</p>		
3	Sở Khoa học và Công nghệ (1055/KHC N-VP ngày 07/10/2021)	<p>(1) Tại Khoản 2 Điều 9 đề nghị sửa đổi thành như sau: "Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/đơn vị tài sản hoặc dưới 500 triệu đồng (bỏ sung cụm từ "triệu đồng" do Dự thảo viết thiếu) cho một lần điều chuyển giữa</p>	Đã tiếp thu chỉnh sửa	

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
		<p>các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý". - Tại Khoản 3 Điều 9 đề nghị sửa đổi thành như sau: "Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/đơn vị tài sản hoặc dưới 500 triệu đồng (bổ sung cụm từ "triệu đồng" do Dự thảo viết thiếu) cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện".</p>		<p>Không tiếp thu, Ví: - các quy trình thanh lý, điều chuyển, bán, tiêu hủy tài sản và biểu mẫu đi kèm đã được quy định rõ tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn.</p>
4	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư (2520/SKH DT-VP ngày 09/10/2021)</p>	<p>(1) "Hướng dẫn quy định rõ, chi tiết quy trình thanh lý, điều chuyển, bán, tiêu hủy tài sản và biểu mẫu đi kèm để các đơn vị thực hiện cho đúng quy định và nâng mức thẩm quyền phê duyệt danh mục, số lượng đối với đơn vị thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh"</p>		<p>Nâng mức thẩm</p>

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
5	Sở Y tế (3824/SYT- KHTC ngày 08/10/2021)	<p>Tại khoản 8, Điều 4 Quy định Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang: Theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8 của Thông tư số 58/2016/TTBTC của Bộ Tài chính như sau:</p> <p><i>“1. Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu:</i></p> <p>a) Đối với gói thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì Sở Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì thẩm định kế hoạch lựa chọn</p>		<p>Quyền phê duyệt danh mục, số lượng đối với đơn vị cấp tỉnh đang dự thảo Nghị quyết nâng mức thẩm quyền quyết định của các cơ quan, tổ chức, đơn vị từ 2 đến 5 lần so với Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND</p> <p>Không tiếp thu.</p> <p>Vì: Nghị quyết quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn. Nội dung đề nghị của Sở Y tế thuộc phạm vi điều</p>

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
		<p><i>nhà thầu;</i>"</p> <p>Sở Y tế đề nghị Sở Tài chính đưa vào nội dung Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 về nội dung thẩm định kế hoạch lữ</p>		<p>chính của pháp luật về đầu thầu.</p>
6	<p>Sở Lao động thương binh và xã hội (2034/LĐTB &XH-KH ngày 11/10/2021; 1941/LĐTB &XH-KH ngày 29/9/2021)</p>	<p>Tại các điều 8, điều 9, điều 10, điều 11, điều 12 có nội dung: Các cấp có thẩm quyền (Chủ tịch UBND tỉnh; thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện) quyết trương cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện) quyết định (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý) đều có cụm từ: "có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại..." là không rõ ràng, khó xác định trong việc nhận biết tài sản cần xử lý thuộc cấp nào, nên bỏ cụm từ "giá trị đánh giá lại" vì phải theo nguyên giá làm cơ sở để xác định cấp có thẩm quyền quyết định xử lý (theo mẫu số 07/TSC-TSDA Nghị định số 151/2017/NĐ-CP); còn giá trị đánh giá lại chỉ là cơ sở để xác định giá bán, thanh lý, điều chuyển.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa</p>	

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
		<p>Ví dụ: đơn vị cấp tỉnh có tài sản thanh lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 01 tỷ đồng cho một lần thanh lý, tuy nhiên giá trị đánh giá lại 200 triệu đồng cho một lần thanh lý.</p> <p>Như vậy, nếu để cả cụm từ “có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại...” thì không biết áp dụng mục nào của Nghị quyết. Nghị quyết nên quy định giá trị đề nghị xử lý căn cứ theo “nguyên giá theo sổ sách kế toán” làm cơ sở để (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý); còn việc đánh giá lại giá trị tài sản đề quy định cấp có thẩm quyền (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý) là không phù hợp (Ví dụ: nguyên giá rất lớn 10 tỷ đồng nhưng giá trị đánh giá lại là 10 triệu đồng, như vậy thẩm quyền xử lý thuộc về 02 cấp, theo nguyên giá thì cấp xử lý khác, theo giá trị đánh giá lại thì cấp xử lý lại khác).</p> <p>Trong trường hợp đặc biệt vì lý do khách quan mất sổ sách kế toán, còn tài sản cần xử lý nhưng không rõ nguyên giá tài sản là bao nhiêu thì mới áp dụng đánh giá lại giá trị tài sản và quy định</p>		

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
7	UBND huyện Lạng Giang (2322/UBND- D-TCKH ngày 27/9/2021)	<p>mức giá để làm cơ sở phân cho cấp nào (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý); việc đánh giá lại giá trị tài sản chỉ là cơ sở để phê duyệt giá bán, thanh lý, điều chuyển; cho nên không nên đưa vào làm cơ sở để giao cho cấp nào xử lý mà chỉ nên căn cứ vào nguyên giá theo sổ sách kế toán.</p> <p>Đề nghị sửa đổi khoản 4, 5 Điều 11 như sau:</p> <p>"4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện gồm:</p> <p>a) Tài sản nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc tài sản hư hỏng, xuống cấp do sử dụng lâu năm, thiên tai là: - Nhà làm việc, công trình sự nghiệp; - Tài sản gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên.</p> <p>5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện thanh lý tài sản là: - Tài sản gắn liền với đất có</p>	Đã tiếp thu chỉnh sửa	

Số T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
		<p>nguyên giá theo số sách kê toán dưới 100 triệu đồng. - Tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo số sách kê toán, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá, tổng giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng cho một lần thanh lý.”</p>		
8	Cục lâm kiểm (393/KL- HCTC ngày 07/10/2021)	<p>- Tại bản Dự thảo Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, tại mục 2, của Điều 9 đề nghị sửa câu “, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/đơn vị tài sản hoặc dưới 500 cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan...”. Thành câu “, giá trị đánh giá lại dưới 100 triệu đồng/đơn vị tài sản hoặc dưới 500 triệu đồng cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan...”. Trưng tự tại mục 3, của Điều 9 cũng sửa như trên</p>	Đã tiếp thu, chỉnh sửa	

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
9	UBND huyện Lục Ngạn (844/UBND- TCKH ngày 01/10/2021)	<p>Tại Điều 4 đề nghị bổ sung thêm khoản 9 với nội dung như sau: “<i>Trường hợp đơn vị sử dụng công lập sử dụng nhiều nguồn kinh phí để mua sắm tài sản, trong đó không có nguồn ngân sách Nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm do thủ trưởng đơn vị quyết định (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này)</i>”.</p>		<p>Không tiếp thu. Vi: Phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết là quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua, thuê, cho thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Trường hợp đơn vị sử dụng công lập sử dụng nhiều nguồn kinh phí để mua sắm nhưng không có nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.</p>

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
10	UBND huyện Hiệp Hòa (2460/UBND D-TCKH ngày 04/10/2021)	<p>Đề nghị sửa đổi, bổ sung cụ thể:</p> <p>(1) Khoản 3 Điều 4: Đề nghị nâng mức thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có giá dự toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán các tài sản từ 100 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần mua của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện. Lý do giám thủ tục hành chính đối với cấp huyện.</p> <p>(2) Khoản 4 Điều 4: Đề nghị nâng mức thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công đối với thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của cơ giam tổ chức đơn vị cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi qui định tại Khoản 1 điều này lên mức dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tổng dự toán các tài sản dưới 300 triệu đồng cho 1 lần mua. Lý do</p>		<p>Không tiếp thu.</p> <p>Vì:</p> <p>(1), (2), (3) việc lấy mức 100 triệu đồng để phân cấp tại khoản 3, 4 Điều 4 và khoản 4 Điều 10 trong dự thảo Nghị quyết được xác định trên cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 58/2016/TT-BTC quy định: “Thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung, danh Mục dự toán mua sắm có giá trị thuộc phạm vi được cơ quan có thẩm quyền</p>

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
		<p>cho phù hợp với phân cấp thẩm quyền thẩm định giá.</p> <p>(3) Khoản 4 Điều 10: Đề nghị điều chỉnh mức thẩm quyền quyết định bán tài sản công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán, giá trị đánh giá lại từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 300 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần bán của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện. Lý do giảm thủ tục hành chính cấp huyện.</p> <p>(4) Khoản 3 Điều 12: Đề nghị điều chỉnh thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện:</p> <p>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán hoặc có giá trị từ 15 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản. Lý do loại trừ đối</p>		<p>phân cấp; đồng thời được quyết định mua sắm các nội dung, danh Mục dự toán mua sắm có giá trị không quá 100 triệu đồng trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao".</p> <p>(4) Đơn vị đang hiệu chưa chính xác việc tiêu hủy tài sản công. Những nội dung nêu thuộc trường hợp thanh lý tài sản công theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ.</p>

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
		<p>với tài sản có giá trị nhỏ, vật rẻ mao hỏng dễ giảm thủ tục hành chính đối với cấp huyện. b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán hoặc có tổng giá trị từ 15 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần tiêu hủy.</p>		
11	Thanh Tra tỉnh	<p>1. Tại điểm c, khoản 1, Điều 4 của Dự thảo Nghị quyết quy định: <i>“Các tài sản có tổng giá dự toán mua sắm từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;”</i> - Đề nghị bổ sung cụm từ: <i>“và tương đương”</i>; bỏ cụm từ: <i>“và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;”</i> - Nội dung sau khi bổ sung là: <i>“Các tài sản có tổng giá dự toán mua sắm từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;”</i></p> <p>2. Tại khoản 2, Điều 4 của Dự thảo Nghị quyết</p>		<p>Không tiếp thu.</p> <p>Vì: (1) Cụm từ <i>“và tương đương”</i> đã được dự thảo quy định tại Điều 3. Giải thích từ ngữ. (2) Về cơ quan Đảng: - Đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết là văn phòng thành ủy, huyện ủy. - Văn phòng thành ủy, huyện ủy thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết được căn</p>

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
		<p>quy định: “Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có giá dự toán mua sắm từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương.”</p> <p>3. Lý do sửa đổi, bổ sung là:</p> <p>- Nếu chi quy định mua sắm của cơ quan, tổ</p>		<p>cứ vào Nghị định 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ tại:</p> <p>+) Khoản 3 Điều 2 quy định:</p> <p>“3. Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện.”</p> <p>+ Điểm đ khoản 5 Điều 13. Mua sắm tài sản tại cơ quan của Đảng quy định:</p> <p>“đ) Thực hiện theo phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với việc mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của</p>

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
		<p>chức, đơn vị cấp tỉnh thì các đơn vị tương đương như: Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các ban trực thuộc UBND tỉnh sẽ khó khăn trong quyết định mua sắm tài sản công.</p> <p>- Do ở khoản 4, Điều 4 của Dự thảo Nghị quyết đã quy định: “Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã quyết định mua sắm các tài sản...”. Vì thế, không lặp lại nội dung này ở phần trên nữa.</p>		<p>Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện.”.</p> <p>Đối với các cơ quan Đảng không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết thì thực hiện theo Nghị định 165/2017/NĐ-CP và các văn bản pháp lý có liên quan.</p>

DANH SÁCH CÁC SỞ, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ UBND HUYỆN NHẤT TRÍ VỚI DỰ THẢO

TT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH
1	Sở Nội vụ	1486/SNV-VP	05/10/2021
2	Sở Ngoại vụ	657/SNgV-VP	07/10/2021
3	Sở Xây dựng	2777/SXD-VP	08/10/2021
4	Sở Công thương	1101/SCT-KHTCTH	08/10/2021
5	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	1370/SVHTTDL-KHTC	08/10/2021
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	1313/SGDDĐT-KHTC	11/10/2021

TT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH
7	Sở Giao thông vận tải	1838/SGTVT-KHTC	07/10/2021
8	Sở Thông tin và Truyền thông	1513/STTT-VP	07/10/2021
9	Quý Đầu tư phát triển	620/CV-QĐTPT	29/9/2021
10	Ban QLDA ĐTXD các CTGT, NN	663/BQLDA-HC	05/10/2021
11	Ban QLDA ĐTXD CT dân dụng và công nghiệp	379/BQLDADDCN-KHTV	29/9/2021
12	Ban Quản lý các khu công nghiệp	2200/KCN-VP	23/9/2021
13	Hội Liên hiệp các hội KH&KT	280/LHH-CV	24/9/2021
14	Ban Dân tộc	554/BDT-HCTH	08/10/2021
15	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	01/HPN-HCTH	08/10/2021
16	Đài Phát thanh và Truyền hình	415/PT&TH-TC&HC	07/10/2021
17	UBND thành phố Bắc Giang	2971/UBND-TCKH	04/10/2021
18	UBND huyện Lục Nam	2909/UBND-TCKH	28/9/2021
19	UBND huyện Việt Yên	393/UBND-TCKH	08/10/2021
20	UBND huyện Tân Yên	2186/UBND-TCKH	12/10/2021
21	UBND huyện Yên Dũng	2403/UBND-KT	30/9/2021
22	UBND huyện Sơn Động	2660/UBND-KT	13/10/2021